

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/DS-ST  
Ngày: 14-8-2018  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp  
hụi giữa ông H, bà G với bà Y.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Đông Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Hữu Trí

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 133/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 99/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Ông V V H, sinh năm 1956 (có mặt)

Bà T T G, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp V P, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

***2.Bị đơn:*** Bà P T Y, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 03-01-2018, Biên bản lấy lời khai ngày 02-3-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông V V H, bà T T G trình bày: Ông bà có tham gia chơi các dây hụi do bà P T Y làm chủ như sau:*

*+Dây hụi 2.000.000đ, hụi kỳ, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 05-01-2015 âm lịch, nhằm ngày 23-02-2015, tổng số 25 phần, ông bà tham gia 1*

phần lấy tên Y sau đó chuyển sang tên H trong danh sách hội, 1 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 25 ngày 05-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-02-2017 thì ngưng do bà Y tuyên bố bế hội; Ông bà đóng 1 phần hội sống 22 lần là 28.030.000đ, còn lại 2 lần cuối ông bà không nhớ số tiền đóng hội sống.

+Dây hội 2.000.000đ, hội kỳ, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 01-4-2016 âm lịch, nhằm ngày 07-5-2016, tổng số 21 phần, ông bà tham gia 1 phần lấy tên H trong danh sách hội, 1 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 21 ngày 01-10-2017 âm lịch, nhằm ngày 18-12-2017 thì ngưng do bà Y tuyên bố bế hội; Ông bà đóng 1 phần hội sống 18 lần là 24.330.000đ, còn lại 2 lần cuối ông bà không nhớ số tiền đóng hội sống.

Tổng cộng số tiền ông bà đóng hội sống là 52.360.000đ, còn lại 4 lần cuối ông bà không nhớ số tiền đóng hội sống. Nay bà Y trình bày 4 lần hội sống còn lại ông bà đã đóng là 4.100.000đ ông bà đồng ý.

Nay ông bà yêu cầu bà P T Y có nghĩa vụ trả lại ông bà tiền đóng hội sống là 56.460.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ông bà không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Y.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-3-2018, bị đơn bà P T Y trình bày: Ông V V H, bà T T G có tham gia chơi các dây hội do bà làm chủ như sau:*

+Dây hội 2.000.000đ, hội kỳ, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 05-01-2015 âm lịch, nhằm ngày 23-02-2015, tổng số 25 phần, ông H bà G tham gia 1 phần lấy tên Y sau đó chuyển sang tên H trong danh sách hội, 1 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 25 ngày 05-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-02-2017 thì ngưng do bế hội; Ông H bà G đóng 1 phần hội sống 24 lần là 30.030.000đ.

+Dây hội 2.000.000đ, hội kỳ, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 01-4-2016 âm lịch, nhằm ngày 07-5-2016, tổng số 21 phần, ông H bà G tham gia 1 phần lấy tên H trong danh sách hội, 1 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 21 ngày 01-10-2017 âm lịch, nhằm ngày 18-12-2017 thì ngưng do bế hội; Ông H bà G đóng 1 phần hội sống 20 lần là 26.430.000đ.

Tổng cộng số tiền ông H bà G đóng hội sống là 56.460.000đ.

Nay trước yêu cầu đòi tiền đóng hội sống của ông H bà G, bà xác định còn nợ tiền đóng hội sống của ông H bà G là 56.460.000đ, bà đồng ý trả cho ông H bà G số tiền trên, yêu cầu ông H bà G không tính lãi. Về phương thức thanh toán bà sẽ bán tài sản để trả nợ.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:*

*1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

*2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với bị đơn bà P T Y, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Y vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn bà Y.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 471; Điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng góp hội.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ danh sách hội do nguyên đơn cung cấp; Biên bản lấy lời khai của ông V V H, bà T T G ngày 02-3-2018 và Biên bản bản lấy lời khai của bà P T Y ngày 15-3-2018. Ngày 03-01-2018, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*:

Căn cứ danh sách hội do nguyên đơn cung cấp (bút lục 02, 03);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai ông V V H, bà T T G ngày 02-3-2018 (bút lục 28-32);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai bà P T Y ngày 15-3-2018 (bút lục 33-36),

Từ các căn cứ trên có cơ sở kết luận giữa nguyên đơn ông H bà G và bị đơn bà Y có phát sinh quan hệ hợp đồng góp hội, việc góp hội này đã không kết thúc mà bị bế hội vào tháng 11/2017 âm lịch. Nguyên đơn trình bày số tiền đóng hội sống là 56.460.000đ và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn trình bày số tiền đóng hội sống của nguyên đơn là 56.460.000đ, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nhưng yêu cầu được bán tài sản trả nợ dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp hiệu lực của các hợp đồng góp hội. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hội sống đã đóng, không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét hiệu lực của các hợp đồng góp hội.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thống nhất số tiền đóng hội sống của nguyên đơn các dây hội như sau:

1/Dây hội 2.000.000đ, khai lần đầu ngày 05-01-2015 âm lịch, nhằm ngày 23-02-2015, nguyên đơn đóng hội sống tổng cộng 30.030.000đ.

2/Dây hội 2.000.000đ, khai lần đầu ngày 01-4-2016 âm lịch, nhằm ngày 07-5-2016, nguyên đơn đóng hội sống tổng cộng 26.430.000đ.

Tổng cộng 2 dây hui trên nguyên đơn đã đóng hui sống là 56.460.000đ.

Bị đơn đồng ý trả số tiền trên cho nguyên đơn. Tòa án tổ chức hòa giải bị đơn vắng mặt không có lý do.

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn ông V V H, bà T T G:* Xét mối quan hệ tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hui, dẫn đến các dây hui bị bể hui. Số tiền thực đóng hui sống của nguyên đơn là 56.460.000đ. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán một lần số tiền nợ hui là 56.460.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] *Đối với bị đơn bà P T Y trình bày:* Thống nhất và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền đóng hui sống là 56.460.000đ, nhưng không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, bị đơn bà Y phải chịu hậu quả pháp lý của việc không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

[6] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà G, nên ông H, bà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông H, bà G 2.150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003256 ngày 18-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà G, buộc bị đơn bà Y có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn ông H, bà G 56.460.000đ nên bị đơn bà Y phải chịu 2.823.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông V V H, bà T T G có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14-8-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Điều 429; Điều 471; Điểm b, d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V V H, bà T T G.

[2] Buộc bị đơn bà P T Y phải trả một lần cho nguyên đơn ông V V H, bà T T G số tiền đóng hui sống còn nợ là 56.460.000đ (năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn ông V V H, bà T T G 2.150.000đ (hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003256 ngày 18-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà P T Y phải chịu 2.823.000đ (hai triệu tám trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông V V H, bà T T G có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14-8-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Đông Hoà**